

Bản án số: 24/2020/HS-ST

Ngày 23-4-2020

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H, TỈNH THANH HÓA**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lê Thị Ngọc Vân

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Hoàng Ngọc Năm

Bà Trần Thị Hoa

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Bình – Thư ký Tòa án nhân dân huyện H.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện H tham gia phiên tòa: Ông Lê Văn Toàn- Kiểm sát viên.

Ngày 23 tháng 4 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện H, tỉnh Thanh Hóa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 18/2020/TLST-HS ngày 20 tháng 3 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 41/2020/QĐXXST-HS ngày 10 tháng 4 năm 2020 đối với bị cáo:

Họ và tên: Trương Hữu Q, sinh ngày 10 tháng 02 năm 1980, tại Xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nơi cư trú: Thôn Đ, Xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa; Nghề nghiệp Lao động tự do; Trình độ văn hoá 03/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Trương Hữu C và bà Lê Thị M; có vợ là Lê Thị H và có 02 con; Tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo tại ngoại, có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại: Ông Vũ Duy Đ, sinh năm 1966 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn Đ, Xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

Người làm chứng:

- Ông Vũ Duy T, sinh năm 1966 (Có mặt)

- Bà Lê Thị Th, sinh năm 1965 (Có mặt)

- Ông Trương Hữu C, sinh năm 1953 (Có mặt)

- Anh Trương Hữu Đ, sinh năm 1985 (Có mặt)

- Chị Vũ Thị H2, sinh năm 1978 (Có mặt)

- Chị Lê Thị H, sinh năm 1982 (Có mặt)

- Chị Hắc Thị H, sinh năm 1986 (vắng mặt)

Đều có địa chỉ: Thôn Đ, Xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 19 giờ 30 phút ngày 17/11/2019, xuất phát từ mâu thuẫn giữa vợ chồng Quang và chị Vũ Thị H2 (chị dâu Q) về việc chị H2 có ném rác sang khu vực đỗ xe ô tô taxi của gia đình Q nên hai bên cãi, chửi nhau. Nghe tin giữa em gái và vợ chồng Q mâu thuẫn, cãi, chửi nhau nên ông Vũ Duy Đ và ông Vũ Duy T (là anh trai chị H2) đi xe máy đến nhà chị H2. Tại đây xảy ra mâu thuẫn giữa ông Đ, ông T với Quang. Ông Đ và ông T cãi chửi, thách thức nhau với Q, ông T có ném đá về phía Q nhưng không trúng. Do bức tức, Q lấy một thanh kiếm bằng kim loại màu trắng sáng, lưỡi kiếm dài 48cm, mũi nhọn, chỗ rộng nhất của lưỡi kiếm có kích thước 7cm, phần giữa kiếm có lỗ hồng hình mũi tên, cán kiếm dài 22cm được kết bằng dây dù màu xanh rêu (bọc ngoài cán), để ở trong xe ô tô của gia đình đang đậu gần đó và tiến lại nơi ông Đ đang đứng, lúc này giữa hai bên vẫn tiếp tục cãi chửi, thách thức nhau. Khi đứng đối diện ông Đ, cách ông Đ khoảng gần 1m, Q chém một nhát theo hướng chéo từ trên xuống dưới, từ phải qua trái trúng vị trí 1/3 trên mặt trước cánh tay trái của ông Đ, rồi bỏ đi về nhà. Hậu quả: Ông Đ bị thương phải đi cấp cứu và điều trị tại Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa từ ngày 17/11/2019 đến ngày 25/11/2019.

Biên bản xem xét dấu vết trên thân thể hồi 21 giờ 30 phút ngày 17/11/2019 tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Thanh Hóa xác định ông Vũ Duy Đ bị 01 vết thương tại 1/3 trên mặt trước cánh tay trái, vết có kích thước dài 06cm, rộng 02cm, bờ vết sắc gọn.

Bản Kết luận giám định pháp y về thương tích số 745/2019/TTPY ngày 17/12/2019 của Trung tâm pháp y tỉnh Thanh Hóa kết luận: Tổng tỉ lệ tổn thương cơ thể do thương tích gây nên đối với ông Vũ Duy Đ là 06%.

Sau khi gây thương tích cho ông Đ, đến 14 giờ 05 phút ngày 18/11/2019, Trương Hữu Q đã đến Cơ quan điều tra Công an huyện H trình diện và khai nhận toàn bộ hành vi của mình.

Vật chứng thu giữ trong vụ án gồm 01 kiếm cán gỗ, lưỡi nhọn bằng kim loại dài 48cm, rộng 07cm, cán dài 22cm bị cáo dùng chém ông Đ; 01 đoạn tuýp sắt dài 76cm loại Φ 2,1cm thu được tại nhà bị cáo; 01 chiếc áo dài tay màu xanh nhãn hiệu dân quân tự vệ, cánh tay áo bên trái bị rách đứt kích thước (5x0,2cm) ông Đ mặc khi bị Q gây thương tích. Tất cả vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Cơ quan thi hành án dân sự huyện H.

Về dân sự: Quá trình điều tra, truy tố, ông Vũ Duy Đ yêu cầu bị cáo phải bồi thường toàn bộ thiệt hại là 88.169.594 đồng, bao gồm: Chi phí khám chữa bệnh theo hóa đơn bán hàng số 0144387 ngày 25/11/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa là 2.334.594đ; Chi phí mua thuốc điều trị theo hóa đơn bán hàng số 0143773 ngày 25/11/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa là 4.947.500đ; Hóa đơn tiền thuốc số 275769 ngày 17/11/2019 của nhà thuốc số 01 Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa là 1.668.500đ; Hóa đơn tiền thuốc số 83041 ngày 25/11/2019 của nhà thuốc số 02 Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa là 3.297.000đ; Tiền mua thuốc ngày 25/11/2019 tại nhà thuốc

Minh Đức là 340.000đ; Tiền công người chăm sóc 08 ngày x 250.000đ/ngày = 2.000.000đ; Chi phí taxi đi điều trị thương tích là 600.000đ; Tiền mất thu nhập 60 ngày x 300.000đ/ngày = 18.000.000đ; Tiền bồi dưỡng sức khỏe là 50.000.000đ; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 5.000.000đ.

Tại phiên tòa, ông Đ thay đổi mức yêu cầu bồi thường lên 107.169.594đ. Trong đó, tăng yêu cầu bồi thường mất thu nhập bằng 90 ngày x 300.000đ/ngày = 27.000.000đ; tăng bồi thường tổn thất tinh thần lên 15.000.000đ.

Bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại 24.482.094đ, bao gồm: Chi phí khám chữa bệnh theo hóa đơn bán hàng số 0144387 ngày 25/11/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa là 2.334.594đ; Chi phí mua thuốc điều trị theo hóa đơn bán hàng số 0143773 ngày 25/11/2019 của Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa là 4.947.500đ; Tiền công người chăm sóc 08 ngày x 200.000đ/ngày = 1.600.000đ; Chi phí taxi đi điều trị thương tích là 600.000đ; Tiền mất thu nhập 30 ngày = 7.000.000đ; Tiền bồi dưỡng sức khỏe là 5.000.000đ; Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 3.000.000đ.

Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã nhiều lần gặp và có nguyện vọng bồi thường cho bị hại nhưng bị hại không chấp nhận vì vậy bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục THA dân sự huyện H số tiền 7.000.000đ để bồi thường cho bị hại.

Cáo trạng số 30/CTr-VKSHH ngày 20/3/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện H truy tố bị cáo Trương Hữu Q về tội “Cố ý gây thương tích” theo điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Trương Hữu Q khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình, đúng như Cáo trạng của Viện kiểm sát đã truy tố.

Đại diện Viện kiểm sát giữ quyền công tố luận tội và tranh luận vẫn giữ nguyên quyết định truy tố đối với bị cáo Trương Hữu Q. Đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Trương Hữu Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”. Áp dụng điểm a khoản 1 Điều 134, điểm b, i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51, của Bộ luật hình sự, đề nghị xử phạt bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng tù, cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 18 đến 24 tháng kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Về trách nhiệm dân sự: Đề nghị HĐXX buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại về sức khỏe cho bị hại theo quy định của pháp luật.

Về xử lý vật chứng: Đề nghị áp dụng Điều 47 của Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự, tịch thu tiêu hủy vật chứng của vụ án là 01 kiếm sắt, 01 đoạn tuýp sắt; trả lại cho bị hại chiếc áo dài tay màu xanh nhãn hiệu dân quân tự vệ.

Về án phí: Đề nghị buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định.

Bị cáo không tranh luận với lời luận tội của đại diện viện kiểm sát, bị cáo xin lỗi bị hại và xin Hội đồng xét xử giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất và xin được bồi thường cho người bị hại tổng số tiền 24.482.094đ.

Người bị hại tranh luận với Đại diện Viện kiểm sát:

- Về hình phạt: Đại diện viện kiểm sát đề nghị mức hình phạt đối với bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cho hưởng án treo là quá nhẹ, không phù hợp với hành vi của bị cáo. Đề nghị Hội đồng xét xử xử bị cáo 20 tháng án treo.

Đại diện Viện kiểm sát đối đáp tranh luận của người bị hại:

- Về hình phạt: Bị cáo có 3 tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1 Điều 51 và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 và không phải chịu tình tiết tăng nặng nào nên căn cứ tỷ lệ tổn thương do bị cáo gây ra cho bị hại thì mức án đề nghị áp dụng cho bị cáo từ 09 tháng đến 12 tháng cho hưởng án treo là hoàn toàn phù hợp.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện H, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện H, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo, người bị hại không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét tính chất hành vi của bị cáo: Chiều tối ngày 17/11/2019, do có mâu thuẫn tại nhà chị H2, ông T và ông Đ cãi, chửi, thách thức nhau với bị cáo, ông T có ném đá ném về phía bị cáo nhưng không trúng. Ông Đ đã có lời qua tiếng lại, thách thức nhau với bị cáo nên bị cáo bức tức và đã lấy kiếm để trong xe ô tô (xe taxi của bị cáo) tiến đến chém một nhát vào tay trái, gây thương tích cho ông Đ với tỷ lệ thương tật là 06% sức khỏe. Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi của mình, phù hợp với các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, đã đủ yếu tố cấu thành tội “Cố ý gây thương tích”, tội phạm, hình phạt được quy định và trừng trị tại điểm a khoản 1 Điều 134 của Bộ luật hình sự đúng như Viện kiểm sát truy tố.

[3]. Xét mức độ phạm tội của hành vi: Hành vi của bị cáo đã xâm phạm đến quyền được bảo vệ sức khỏe của công dân, xâm phạm trật tự, an toàn xã hội, cần phải xử lý nghiêm, lên một mức án **tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo để răn đe, giáo dục, cải tạo bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội**. Tuy nhiên, cũng cần phải xem xét đến nguyên nhân bị cáo thực hiện hành vi: Nghe tin em gái là chị H2 và vợ chồng bị cáo có mâu thuẫn, ông Đ và ông T đã đến nhà chị H2. Tại đây, ông Đ và ông T đã không hòa giải, can ngăn hai bên mà còn xảy ra cãi, chửi, thách thức nhau với bị cáo. Xét cơ chế gây thương tích đủ điều kiện khẳng định giữa bị cáo và ông Đ là đứng đối diện nhau. Khoảng cách từ chỗ bị cáo lấy kiếm đến chỗ ông Đ đứng khoảng 10 m, ông Đ có đủ thời gian né

tránh nhưng không tránh mà vẫn tiếp tục cãi, chửi, thách thức với bị cáo nên bị cáo mới có điều kiện tiến đến cách ông Đ khoảng 1m, đứng đối diện và dùng kiếm chém. Như vậy, hành vi gây thương tích cho ông Đ của bị cáo có một phần do lỗi của ông Đ.

[4] Xét nhân thân và các tình tiết giảm nhẹ, tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Tình tiết tăng nặng: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng.

Tình tiết giảm nhẹ: Quá trình điều tra, truy tố, xét xử bị cáo “thành khẩn khai báo”, sau khi gây thương tích cho ông Đ bị cáo đã ra đầu thú, bị cáo đã tự nguyện bồi thường thiệt hại cho bị hại thể hiện sự “ăn năn hối cải” của bị cáo, bị cáo phạm tội lần đầu và thuộc trường hợp ít nghiêm trọng, bố mẹ bị cáo là người có công với cách mạng, được tặng thưởng huy chương và bằng khen. Vì vậy bị cáo được hưởng các tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm b, i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 BLHS. Hội đồng xét xử xét thấy cần giảm cho bị cáo một phần trách nhiệm hình sự, thể hiện sự khoan hồng của pháp luật.

Nhân thân bị cáo: Bị cáo có thân nhân tốt, chưa có tiền án, tiền sự, có nơi cư trú rõ ràng, có khả năng tự cải tạo. Vợ bị cáo là người tàn tật nặng, hiện đang hưởng trợ cấp xã hội. Bản thân bị cáo là lao động chính trong gia đình, các con còn nhỏ. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy không cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội mà cho bị cáo được hưởng án treo và ấn định thời gian thử thách đối với bị cáo như đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa cũng đủ tác dụng giáo dục cải tạo riêng bị cáo và phòng ngừa chung cho xã hội, đồng thời cũng phù hợp với quy định tại Điều 65 Bộ luật hình sự.

[5]. Về trách nhiệm dân sự: Người bị hại yêu cầu bị cáo bồi thường toàn bộ thiệt hại là 107.169.594 đồng. Bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại 24.482.094đ.

Hội đồng xét xử nhận thấy bị cáo đã chấp nhận bồi thường cho bị hại chi phí khám chữa bệnh = 2.334.594đ; Chi phí mua thuốc điều trị = 4.947.500đ; tiền xe đi điều trị = 600.000đ, nên chấp nhận phần yêu cầu bồi thường này của bị hại.

Các hóa đơn tiền thuốc số 275769 ngày 17/11/2019 = 1.668.500đ và Hóa đơn tiền thuốc số 83041 ngày 25/11/2019 = 3.279.000đ đã được Bệnh viện đa khoa tỉnh Thanh Hóa xuất hóa đơn bán hàng số 0143773 (chi phí mua thuốc điều trị) ngày 25/11/2019 với tổng số tiền = 4.947.500đ; tiền mua thuốc ngày 25/11/2019 tại nhà thuốc Minh Đức = 340.000đ không có đơn thuốc kèm theo, không chứng minh được việc mua thuốc là phục vụ chữa bệnh cho bị hại, nên không chấp nhận.

Tiền công người chăm sóc 08 ngày x 250.000đ/ngày = 2.000.000đ là phù hợp mức thu nhập thực tế tại địa phương nên chấp nhận. Tiền mất thu nhập trong 90 ngày x 300.000đ/ngày, bị hại là thợ xây nên thu 300.000đ/ngày là phù hợp, tuy nhiên, bị hại nằm viện từ ngày 17/11/2019 đến ngày 25/11/2019, sau khi ra viện, tình trạng bệnh ổn định, thương tật là 06% nên việc bị hại yêu cầu bồi thường mất thu nhập 90 ngày là không hợp lý, bị cáo chấp nhận bồi thường cho bị hại 30 ngày điều trị và ổn định thương tật là hợp lý, tuy nhiên mức bồi thường là 7.000.000đ chưa phù hợp thu nhập thực tế của bị hại. Hội đồng xét

xử xét thấy cần chấp buộc bị cáo bồi thường cho bị hại tiền mất thu nhập là 300.000đ/ngày x 30 ngày = 9.000.000đ. Tiền bồi dưỡng sức khỏe = 50.000.000đ là quá cao, bị cáo chấp nhận bồi dưỡng sức khỏe cho bị hại = 5.000.000đ là phù hợp nên chấp nhận. Tiền bồi thường tổn thất tinh thần là 15.000.000đ là quá cao, căn cứ với tỷ lệ thương tật và mức độ tổn hại tinh thần của bị hại, cần buộc bị cáo bồi thường tổn thất tinh thần cho bị hại = 5.000.000đ là phù hợp.

Vì vậy, buộc bị cáo Trương Hữu Q phải bồi thường cho bị hại - ông Vũ Duy Đ số tiền là **28.882.094đ**, bị cáo đã nộp tại chi cục THA số tiền 7.000.000đ để bồi thường cho bị hại, nên còn phải bồi thường cho bị hại 21.882.094đ.

[6]. Về xử lý vật chứng: Chiếc gậy sắt thu được tại nhà bị cáo không phải là phương tiện, công cụ phạm tội, không phải là vật chứng của vụ án mà là tài sản của gia đình bị cáo, tuy nhiên tại phiên tòa, bị cáo và gia đình đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy.

Cây kiếm bị cáo sử dụng gây thương tích cho bị hại không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy;

Chiếc áo dài tay màu xanh nhãn hiệu dân quân tự vệ đã cũ, rách, không còn giá trị sử dụng, tại phiên tòa, người bị hại cũng đề nghị tiêu hủy nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7]. Về án phí: Buộc bị cáo phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 134; điểm b, i, s khoản 1,2 Điều 51, Điều 65 Bộ luật hình sự; Điều 30 của Bộ luật Tố tụng Hình sự; Điều 357; Điều 468; Điều 584; Điều 585; Điều 586; Điều 590 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Tuyên bố bị cáo Trương Hữu Q phạm tội “Cố ý gây thương tích”.

Xử phạt bị cáo Trương Hữu Q10 (Mười) tháng tù cho hưởng án treo, thời gian thử thách là 20 (Hai mươi) tháng tính từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Giao bị cáo Trương Hữu Q cho UBND Xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa giám sát, giáo dục trong thời gian thử thách. Gia đình bị cáo có trách nhiệm phối hợp với chính quyền địa phương trong quá trình giám sát, giáo dục bị cáo. Trường hợp người được hưởng án treo thay đổi nơi cư trú thì được thực hiện theo Điều 92 Luật thi hành án hình sự.

Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ theo quy định của Luật thi hành án hình sự 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về trách nhiệm dân sự: Buộc bị cáo phải bồi thường thiệt hại cho người bị hại - ông Vũ Duy Đ số tiền là 28.882.094đ (Hai tám triệu tám trăm tám mươi hai nghìn không trăm chín tư đồng). Bị cáo đã tự nguyện nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H 7.000.000đ (Bảy triệu đồng) để bồi thường cho bị hại nên bị cáo còn phải tiếp tục bồi

thường cho bị hại 21.882.094đ (Hai một triệu tám trăm tám hai nghìn không trăm chín tư đồng). Bị hại ông Vũ Duy Đ được nhận số tiền 7.000.000đ tại biên lai thu tiền số AA/2015/0000998 ngày 22/4/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện H.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, người bị hại – ông Vũ Duy Đ có đơn yêu cầu thi hành án, nếu chưa thi hành án, hàng tháng bị cáo còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo quy định tại điều 357, Điều 468 BLDS năm 2015 trên số tiền phải thi hành án, tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Điều 47 Bộ luật Hình sự; khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng Hình sự, tịch thu tiêu hủy: 01 (một) cây kiếm bằng kim loại màu trắng sáng, cán kiếm được kết bằng dây dù màu xanh rêu; 01 (một) đoạn gậy sắt dạng tuýp nước loại Φ 2,1cm, dài 76cm; 01 (một) chiếc áo may xanh bu đông có nhãn hiệu dân quân tự vệ. **Tất cả vật chứng hiện đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện H theo Biên bản giao nhận vật chứng số: 40/BBGN ngày 22/4/2020.**

Về án phí: Áp dụng Điều 135; Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa, bị cáo Trương Hữu Q phải chịu 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và phải chịu 1.094.104đ (Một triệu không trăm chín tư nghìn một trăm linh bốn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự, thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Về quyền kháng cáo: Áp dụng Điều 331; Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự. Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhân:

- VKSND huyện H;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- Chi cục THADS huyện H;
- Công an huyện H;
- Bị cáo;
- Người bị hại
- UBND Xã Y;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Thị Ngọc Vân

